

THÔNG TƯ

Của Bộ Văn hóa số 20/VH-TT ngày 9 tháng 5 năm 1989

về việc hướng dẫn xếp hạng thư viện các ngành các cấp

Thực hiện Điều 4 Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân viên chức khu vực Nhà nước.

Căn cứ vào Quyết định 120/LĐ-QĐ ngày 6/6/1985 của Bộ Lao động và Quyết định số 98/VH-QĐ ngày 2/6/1985 của Bộ Văn hóa ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức chuyên ngành thư viện.

Sau khi được sự thỏa thuận của Bộ Lao động Thương binh và xã hội tại Công văn số 1043/LĐ-TBXH-TL ngày 5/5/1989, Bộ Văn hóa hướng dẫn xếp hạng cho thư viện của các địa phương và các ngành cấp như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG CỦA VIỆC XẾP HẠNG

1. Mục đích yêu cầu:

Việc xếp hạng cho các loại thư viện thuộc các ngành các cấp dùng làm cơ sở cho việc xếp lương chức vụ cho các bộ quản lý của các đơn vị đó nhằm quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động. Mức lương của các bộ quản lý được quy định theo hạng của thư viện. Vì vậy, việc xếp hạng phải phù hợp với quy mô, hiệu quả, chất lượng, phạm vi điều hành và chức năng của công tác quản lý một thư viện.

2. Điều kiện xếp hạng:

Các thư viện được xếp hạng phải có đầy đủ những điều kiện sau:

- Được cấp có thẩm quyền ra quyết định thành lập với chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy hoạt động riêng, có vốn tư liệu được thu thập có hệ thống và được tổ chức theo các nguyên tắc nghiệp vụ quy định, có đội ngũ độc giả thường xuyên.
- Cán bộ lãnh đạo được phân công theo đúng tiêu chuẩn nghiệp vụ của viên chức lãnh đạo ngành thư viện đã ban hành.
- Có kinh phí ổn định để bổ sung sách báo cũng như các hoạt động thư viện, thư mục, có trụ sở, kho tàng và trang thiết bị chuyên dùng đầy đủ để bảo quản, xử lý kỹ thuật cũng như tổ chức phục vụ người đọc.
- Có kế hoạch, chỉ tiêu hoạt động hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo đúng chức năng nhiệm vụ.

- Đối tượng:** Các loại hình thư viện: Tổng hợp, đa ngành, chuyên ngành từ Trung ương tới các tỉnh, thành phố, huyện và cơ sở có đủ điều kiện xếp hạng (trừ các thư viện huyện nằm trong cơ cấu tổ chức tư liệu thông tin thư viện, các thư viện xã, hợp tác xã, thư viện các hội quần chúng, các tập đoàn sản xuất).

II. TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG

- TIÊU CHUẨN CHUNG:** Bao gồm các chỉ tiêu và cách tính điểm như sau: (tính 1 năm hoạt động).

1. Vốn sách báo, tư liệu (bao gồm đĩa hát, băng hình, băng ghi âm, tranh ảnh, bản đồ, phim, sách...) 10.000 đơn vị đăng kí: 1 điểm
(Báo, tạp chí tính theo đơn vị đóng bìa)
 2. Thẻ đọc, mượn (đăng kí hàng năm) bao gồm số người đọc, mượn ở thư viện trung tâm (chính) cũng như số thẻ đăng kí ở các chi nhánh, các trạm cho mượn sách, các thẻ mượn tập thể.
 - 100 thẻ: 1 điểm
 3. Lướt luân chuyển sách báo (tính theo số nhật ký thư viện) 10.000 lượt: 1 điểm
 4. Thông tin tuyên truyền, giới thiệu sách:
 - 1 thư mục miệng (đọc trên loa, trên đài truyền thanh, giới thiệu trong các cuộc họp, hội nghị): 0,2 điểm
 - Tuyên truyền trực quan: 1 pa-nô, áp phích: 0,2 điểm
 - 1 thư mục giới thiệu in (từ 5 đến 20 tài liệu) (có dẫn giải hoặc tóm tắt nội dung tài liệu): 1 điểm
 - 1 công trình thư mục lớn (trên 100 tài liệu): 2 điểm
 - Phục vụ 1 đề tài nghiên cứu quốc gia: 2 điểm
 - 1 cuộc trưng bày triển lãm làm sách nhỏ (dưới 50 cuốn): 0,2 điểm
 - 1 cuộc trưng bày triển lãm làm sách chuyên đề (từ 50-100 cuốn): 1 điểm
 - 1 cuộc triển lãm làm sách lớn (trên 200 cuốn): 2 điểm
 - 1 cuộc nói chuyện giới thiệu sách: 0,5 điểm
 - 1 cuộc vận động đọc sách cấp huyện: 1 điểm
 - 1 cuộc vận động đọc sách tỉnh: 2 điểm
- Chú thích:* Điểm tối đa của tiêu chuẩn 4 không vượt quá 20 điểm

B. TIÊU CHUẨN HIỆU CHÍNH:

1. Đảm nhiệm thêm chức năng trung tâm nghiên cứu khoa học thư viện – thư mục và hướng dẫn nghiệp vụ cho các thư viện màng lưới:
 - 1 công trình nghiên cứu về thư viện – thư mục được công nhận và ứng dụng: 2 điểm
 - 1 đơn vị thư viện cơ sở có hướng dẫn, kèm cặp về tổ chức và kỹ thuật nghiệp vụ được xác nhận: 0,2 điểm
 - Tổ chức giảng dạy 1 lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cơ sở hoặc nâng cao có chương trình và chứng chỉ công nhận tốt nghiệp: 2 điểm
2. Đảm nhiệm thêm chức năng hợp tác quốc tế (trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, trao đổi sách báo trên cơ sở chương trình kế hoạch nhất định): 3 điểm
3. Đảm nhiệm và thực hiện đầy đủ chức năng hoạt động địa chí (thu thập tài liệu, thông tin và phục vụ người đọc): 3 điểm
4. Triển khai nhiều cơ cấu tổ chức phục vụ người đọc: thư viện lưu động, chi nhánh, trạm sách, điểm mượn cho tập thể, các phòng đọc giả (Mượn – Đọc – Thiếu nhi – Báo chí – Địa chí – Tra cứu...) 1 cơ cấu tổ chức: 2 điểm
Chú thích: Điểm tối đa của tiêu chuẩn hiệu chính không vượt quá 20 điểm
5. Địa bàn miền núi, biên giới (Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Tuyên, Hoàng Liên Sơn, Lai Châu, Sơn La, Gia Lai Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng): +5 điểm

III. ĐIỂM CHUẨN XẾP HẠNG

Hạng I. Đạt từ 160 điểm trở lên

Hạng II. Đạt từ 100 điểm – 159 điểm

Hạng III. Đạt từ 70 – 99 điểm

Hạng IV. Đạt từ 40 – 69 điểm

Hạng V.Đạt từ 10 – 39 điểm

Các đơn vị thư viện không đạt điểm tối thiểu 10 điểm không xếp hạng.

IV. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Việc xếp hạng cho các loại thư viện được quy định như sau:

1. Các đơn vị thư viện lấy số liệu hoạt động của 1 trong 3 năm mới nhất để tính điểm xếp hạng. Việc điều chỉnh hạng được quyết định như sau:
 - Khi chức năng nhiệm vụ của thư viện được mở rộng, hiệu quả hoạt động được nâng cao, điểm xếp hạng của đơn vị vượt 20% điểm giới hạn trên của hạng đang xếp thì đơn vị đề nghị cơ quan quản lý cấp trên xem xét nâng hạng.
 - Định kỳ 3 năm các đơn vị thư viện được kiểm tra, xem xét 1 lần, nếu đơn vị nào trong 2 năm liền không đạt điểm chuẩn của hạng đnagx ếp thì điều chỉnh xuống hạng dưới.

2. Quyết định xếp hạng do thủ tướng các Bộ, các cơ quan ngang Bộ và tương đương ký đối với các thư viện thuộc các ngành ở trung ương; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương ký đối với các thư viện thuộc các ngành của tỉnh và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ký đối với các thư viện thuộc quận, huyện, sau khi có ý kiến của Sở Lao động – Thương binh xã hội và Sở Văn hóa thông tin.

Riêng đối với các thư viện thuộc các ngành ở Trung ương được xếp hạng I và các thư viện thuộc địa phương xếp hạng II trở lên phải có sự thỏa thuận của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội (bằng văn bản) sau khi có ý kiến của Bộ Văn hóa.

3. Từ nay đến năm 1990, các thư viện được xếp hạng cần bố trí cán bộ theo đúng tiêu chuẩn chức danh đã ban hành. Các thư viện chưa sắp xếp lại tổ chức theo đúng tiêu chuẩn, chức danh sẽ không được xếp hạng và sẽ không được hưởng lương chức vụ theo lương lãnh đạo ngành thư viện.
4. Sau khi xếp hạng, việc xếp lương cho các bộ lãnh đạo thực hiện theo các văn bản hướng dẫn xếp lương của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội và theo chế độ phân cấp quản lý hiện hành.
5. Thông tư này thi hành kết từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề nào vướng mắc đề nghị các ngành, các địa phương phát hiện, phản ánh với Bộ Văn hóa để kịp thời xem xét giải quyết.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA

TRẦN VĂN PHÁC